BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CHẾ ĐỊNH MANG THAI HỘ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành : Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

Mã ngành : 9080103

Hà Nội, năm 2020

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài

Với một quốc gia mang nặng truyền thống Á Đông như Việt Nam, từ xưa, việc sinh con để nối dõi tông đường được xem như là vấn đề quan trọng nhất trong quan hệ hôn nhân. Quyền làm cha, làm mẹ - quyền "thiêng liêng" của bất kỳ cá nhân nào luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, không phải cá nhân nào cũng may mắn có thể thực hiện thiên chức làm cha, mẹ một cách tự nhiên như quy luật vốn có. Ngày nay, y học phát triển đem đến hi vọng cho những cặp vợ chồng không thể sinh con bằng cách thực hiện mang thai hộ (MTH). Song, trước đây, MTH chủ yếu được thực hiện dưới hình thức các *"hợp đồng đẻ thuê"* phi pháp thì những hệ lụy của vấn đề này trở nên khá phức tạp, tạo nên những rủi ro cho các chủ thể. Xuất phát từ tình hình thực tiễn và thực trạng pháp luật nói trên, Luật Hôn nhân và đình (HN&GĐ) năm 2014 lần đầu tiên vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo (MTHVMĐNĐ) được pháp luật ghi nhận và cho phép thực hiện. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực nói trên, việc Quốc hội thông qua quy định cho phép MTHVMĐNĐ cũng có nhiều quan điểm trái chiều. Trong đó, vấn đề nhãn tiền được dư luận quan tâm nhất hiện nay là tính thực thi của quy định này liệu có thực sự đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Trên cơ sở những phân tích nêu trên, với mong muốn tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về chế định MTH - một trong những vấn đề được đánh giá là hoàn toàn mới, tác giả lựa chọn thực hiện đề tài *"Chế định mang thai hộ theo pháp luật Việt Nam"* cho luận án tiến sĩ của mình, với hi vọng có thể tiếp cận một cách có hệ thống, đầy đủ và toàn diện nhất các vấn đề pháp lý và thực tiễn có liên quan. Trên cơ sở đó, tác giả có thể đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với MTH – một vấn đề mới và mang tính thời sự cao tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Việc nghiên cứu luận án nhằm hướng đến mục đích đánh giá toàn diện và mang tính hệ thống cơ sở lý luận về chế định MTH, thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn thực hiện chế định MTH nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này.

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, luận án có các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Làm rõ các khái niệm, đặc điểm về chế định MTH, MTHVMĐNĐ; Ý nghĩa của MTHVMĐNĐ dưới nhiều góc độ.

- Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về các nội dung chế định MTH cũng như pháp luật của một số nước trên thế giới về lĩnh vực này.

- Đánh giá thực tiễn thực hiện chế định MTH tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, chỉ ra những thuận lợi và hạn chế, nguyên nhân của những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện.

- Xây dựng phương hướng và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chế định MTH.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về MTH; Quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành về MTH trong đó chủ yếu là vấn đề MTHVMĐNĐ trong Luật HN&GĐ năm 2014 và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Pháp luật của một số nước trên thế giới về MTH; Thực tiễn thực hiện pháp luật về MTH ở Việt Nam thông qua những vụ việc MTH cụ thể trên thực tế trong những năm gần đây.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt nội dung, luận án nghiên cứu về chế định MTH nói chung. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ thừa nhận MTHVMĐNĐ, do đó trong phạm vi nghiên cứu, luận án chủ yếu tập trung làm rõ các quy định của pháp luật hiện hành về MTHVMĐNĐ. Đồng thời, luận án tập trung phân tích, đánh giá các quy định trong pháp luật nội dung về MTH mà ít chú trọng đến các vấn đề liên quan đến pháp luật hình thức về thủ tục tố tụng. Mặt khác, để đảm bảo tính phù hợp với mã ngành nên trong khuôn khổ phạm vi của đề tài, nội dung của luận án giới hạn nghiên cứu về MTHVMĐNĐ không có yếu tố nước ngoài.

- Về mặt không gian và thời gian, luận án thực hiện việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ tại Việt Nam từ 2015 - 2019.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin với phép biện chứng duy vật và lịch sử, gắn kết với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp và so sánh, phương pháp xã hội học…được sử dụng để giải quyết các vấn đề về nội dung nghiên cứu của luận án. Đặc biệt, các phương pháp nghiên cứu tình huống điển hình, thống kê được sử dụng nhằm làm sáng tỏ những vấn đề về thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học, nghiên cứu toàn diện về chế định MTH nói chung và MTHVMĐNĐ nói riêng trong pháp luật Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện những vấn đề lý luận khoa học pháp lý về chế định MTH, pháp luật HN&GĐ và làm phong phú thêm kho tàng tri thức khoa học pháp lý. Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập khoa học luật tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu luật …Luận án cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan thi hành và áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề có liên quan đến chế định MTHVMĐNĐ còn khá mới mẻ tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

6. Những đóng góp mới của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có những đóng góp mới về phương diện lý luận và thực tiễn như sau:

- Về tổng thể, luận án là công trình nghiên cứu toàn diện và mang tính hệ thống về chế định MTH theo pháp luật Việt Nam.

- Luận án xây dựng, bổ sung và làm phong phú thêm cơ sở lý luận về MTH; Xây dựng các khái niệm khoa học về chế định MTH, MTHVMĐNĐ; Đánh giá khách quan về nhu cầu thực tiễn trong việc thực hiện MTH từ đó cho thấy sự cần thiết trong việc xây dựng và điều chỉnh bằng các quy phạm pháp luật đối với quan hệ pháp luật này.

- Luận án đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Từ đó, luận án cung cấp góc nhìn đa chiều về vấn đề nghiên cứu, chỉ ra những điểm hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam về chế định MTH.

- Luận án làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ. Từ đó chỉ ra những khó khăn, vướng mắc cũng như nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật của các chủ thể có liên quan.

- Luận án đề xuất phương hướng và giải pháp đảm bảo tính khoa học và có tính khả thi, góp phần khắc phục những hạn chế bất cập của pháp luật về MTH, tạo cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam điều chỉnh về vấn đề này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án bao gồm bốn chương được kết cấu như sau:

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận về chế định mang thai hộ

Chương 3. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và thực tiễn thực hiện

Chương 4. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chế định mang thai hộ

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Luận án, luận văn

**** Luận án tiến sĩ luật học của Trương Hồng Quang (2019) về "Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay",*** Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

Nội dung trọng tâm của luận án nghiên cứu về quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính (LGBTI) theo pháp luật Việt Nam hiện nay. Tác giả đánh giá những khó khăn và ảnh hưởng nhất định đối với nhóm LGBTI liên quan đến nhu cầu có con và giám hộ đối với trẻ nếu trẻ được sinh ra từ dịch vụ MTH.

**** Luận văn thạc sĩ Luật học của Bùi Quỳnh Hoa (2014) về "Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về mang thai hộ",*** Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Luận văn được kết cấu thành hai chương. Tác giả đã phân tích phương hướng xây dựng pháp luật Việt Nam điều chỉnh về vấn đề MTH cũng như đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

**** Luận văn thạc sĩ Luật học của Phạm Thị Hương Giang (2015) về "Mang thai hộ trong Luật Hôn nhân và gia đình 2014",*** Khoa Luật - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Kết cấu của luận văn gồm 3 chương. Tác giả nghiên cứu cơ sở lý luận của vấn đề MTH; Phân tích nội dung quy định về MTHVMĐNĐ; Giải quyết vấn đề thực trạng MTH tại Việt Nam, khả năng áp dụng quy định MTHVMĐNĐ và một số kiến nghị.

1.1.2. Bài viết trên tạp chí

* Bài viết của tác giả **Nguyễn Văn Cừ** về ***"Pháp luật về mang thai hộ ở Việt Nam"***, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 6/2016, Tr.11 – 22.

Trong phạm vi bài viết này tác giả đã phân tích một số quan điểm về MTH; Sự cần thiết phải cho phép MTHVMĐNĐ tại Việt Nam; Nhận định về nội dung quy định của pháp luật về MTHVMĐNĐ. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những kiến nghị và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam điều chỉnh về chế định MTHVMĐNĐ.

* Bài viết của tác giả **Nguyễn Thị Lan** về "***Mang thai hộ và những vấn đề phát sinh",*** Tạp chí Luật học số 4/2015, Trường Đại học Luật Hà Nội,Tr.12 – 21.

Bài viết nghiên cứu về điều kiện MTH; Quyền và nghĩa vụ của người nhờ MTH, bên MTH; Hệ quả pháp lý của việc MTH. Tác giả đánh giá quy định của pháp luật và đưa ra kiến nghị nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong việc MTH.

* Bài viết của **Nguyễn Xuân Hợi, Nguyễn Thanh Tùng** có tiêu đề ***"Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và chỉ định của bệnh nhân thụ tinh trong ống nghiệm – mang thai hộ tại Bệnh viện Trung Ương"***, Tạp chí Y – Dược học quân sự, số 3/2017, Tr.55 – 61.

Bài viết là kết quả nghiên cứu dựa trên khảo sát thực tế về các trường hợp MTH được thực hiện tại Bệnh viện Trung Ương Hà Nội. Luận điểm đánh giá chủ yếu dựa trên các khảo sát về mặt y học vô cùng có ý nghĩa về mặt thực tiễn. Đây là cơ sở để tham chiếu, điều chỉnh các quy định của pháp luật cho phù hợp với thực tiễn áp dụng.

* Bài viết của tác giả **Nguyễn Huy Cường** về ***"Một số bất cập trong các quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của Luật Hôn nhân và gia đình 2014***", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9/2016, Tr.38- 40.

Bài viết làm rõ các nội dung liên quan đến những bất cập trong các quy định về MTHVMĐNĐ, trong đó tập trung phân tích về quan hệ nhân thân của đứa trẻ được sinh ra.

* Bài viết ***"Một số vấn đề về thực hiện quy định của pháp luật hiện hành về mang thai hộ ở Việt Nam"*** của **Trần Đức Thắng**, Tạp chí Nghề Luật, số 2/2016, Tr.57 – 61.

Bài viết thể hiện cách nhìn của tác giả về bản chất pháp lý của việc MTHVMĐNĐ. Trong đó, tác giả tập trong phân tích các đặc điểm của MTHVMĐNĐ đồng thời đánh giá một số vấn đề về thực hiện quy định của pháp luật về MTH tại Việt Nam.

1.1.3. Đề tài nghiên cứu khoa học; Kỷ yếu hội thảo khoa học

**** Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường (2015), "Cơ sở lý luận và thực tiễn của những điểm mới trong luật hôn nhân và gia đình 2014"***, Chủ nhiệm đề tài: **Nguyễn Văn Cừ**, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Chuyên đề 1 với tiêu đề ***"Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sửa đổi, bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và ban hành Luật hôn nhân và gia đình mới"*** của tác

giả **Bùi Minh Hồng,** Tr.95 – 113. Nội dung của chuyên đề này đề cập đến một vài khía cạnh về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn để pháp luật điều chỉnh về vấn đề MTH.

**** Kỷ yếu hội thảo khoa học "Quyền làm mẹ - một số góc nhìn" (2013),*** Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Liên quan đến việc nghiên cứu về chế định MTH có bài viết ***"Một số khía cạnh pháp lý của việc bảo vệ quyền làm mẹ của người phụ nữ đối với việc sinh con theo phương pháp khoa học"*** của tác giả **Bùi Thị Mừng,** Tr.17 – 28.

Bài viết tiếp cận theo hướng ghi nhận và bảo vệ quyền làm mẹ của những người phụ nữ đối với việc sinh con theo phương pháp khoa học, trong đó bao gồm cả vấn đề MTH.

**** Kỷ yếu hội thảo khoa học "Mang thai hộ và những vấn đề phát sinh", (2019),*** Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Kỷ yếu hội thảo tập trung nhiều bài viết có chất lượng, chuyên sâu về MTH và các vấn đề pháp lý phát sinh và thực tiễn thực hiện quy định về MTHVMĐNĐ tại Việt Nam.

1.1.4. Sách chuyên khảo

***** Cuốn sách với nhan đề ***"Người đồng tính, song tính, chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật"*** của tác giả **Trương Hồng Quang**, (2014), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Cuốn sách này chỉ ra rằng, khác với những trường hợp thông thường, để hiện thực hóa quyền làm cha, mẹ, LGBT thường chỉ thực hiện bằng cách xin nhận con nuôi hoặc thụ tinh trong ống nghiệm mà không được phép thực hiện MTHVMĐNĐ. Do đó, cần cho phép MTHVMĐNĐ đối với LGBT để đảm bảo quyền cá nhân (Tr.257 - 258). Tác giả cuốn sách không ủng hộ hình thức MTH "truyền thống" áp dụng ở một số quốc gia trên thế giới.

1.1.5. Tài liệu nước ngoài

**** Luận án Tiến sĩ của Lê Xuân Tùng (2016)*** với tên đề tài***"Ethical and Legal aspects of surogacy – recommendations for the regulatinon of surrogacy in Vietnam"***, Trường đại học Southamton, U.K.

Luận án trình bày tổng quan về pháp luật Việt Nam điều chỉnh về vấn đề MTH; Phân tích quan điểm xã hội Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến quan niệm về MTH; Quan ngại hệ luỵ do thị trường "đen" về MTH; Quyền sinh sản với tính chất như một quyền con người; Phân tích quyền tự định đoạt trên tự do ý chí trong bối cảnh MTH diễn ra như hiện nay. Từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về MTH ở Việt Nam.

* Bài viết có tiêu đề ***"Surrogacy Agreements in French Law"*** của tác giả **Eva Steiner,** Tạp chí The International and Comparative Law Quarterly, Vol.41, No.4, pp.866 – 875.

Bài viết tập trung phân tích các khía cạnh pháp lý của pháp luật Cộng hòa Pháp trong việc nghiêm cấm các hành vi thực hiện MTH.

* Bài viết **"Surrogacy and the Politics of Commodification"** của **Elizabeth S. Scott,** Tạp chí *Law and Contemporary Problems*, vol. 72, no. 3, 2009, pp. 109–146.

Tác giả đã khám phá lịch sử hình thành của vấn đề MTH, giải quyết các câu hỏi tại sao với một sự việc về MTH tại Mỹ[1] lại có thể ảnh hưởng để thể chế hóa bằng pháp luật tại Illinois và tiếp tục được ban hành, thông qua ở nhiều tiểu bang khác. Giải thích các ý nghĩa về mặt chính trị và xã hội; Xem xét, đánh giá hình thức của MTHVMĐTM nhìn từ vụ kiện *Baby M;* Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu các vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án

1.2.1. Về những vấn đề cơ sở lý luận

Các công trình nghiên cứu đã nói ở trên mặc dù đã tiếp cận cơ sở lý luận cơ bản song vẫn còn một số vấn đề cần phải được tiếp tục hoàn thiện trong luận án, cụ thể như sau:

1.2.1.1. Về khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của mang thai hộ và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Các tác giả đã xây dựng khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa trên cơ sở các điều khoản giải thích từ ngữ nhưng chưa đầy đủ. Do đó, luận án sẽ xem xét về mặt cơ sở lý luận, đánh giá bản chất, kế thừa các luận điểm khoa học có giá trị tham khảo cũng như bổ sung những luận điểm có giá trị thuyết phục hơn nữa về vấn đề này.

1.2.1.2. Về khái niệm, đặc điểm và nội dung của chế định mang thai hộ

Khái niệm, đặc điểm và nội dung điều chỉnh của chế định MTH là vấn đề ít được các nhà nghiên cứu tiếp cận. Luận án sẽ tiếp tục hoàn thiện các vấn đề này trên cơ sở phân tích bản chất của chế định MTH dưới các khía cạnh khác nhau.

1.2.1.3. Về sự cần thiết của pháp luật điều chỉnh về vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Nghiên cứu sinh tiếp tục đánh giá sự cần thiết điều chỉnh pháp luật về MTHVMĐNĐ dưới nhiều góc độ: Kinh tế - xã hội; Phong tục – tập quán, đạo đức; Góc độ về lợi ích của gia đình và cá nhân; Quan điểm tư tưởng về mặt lập pháp, chính trị của Đảng và Nhà nước.

---

[1] **Scott, Elizabeth S,** đd, pp.109. Vụ kiện *Baby M* xảy ra giữa người nhờ MTH là William và Elizabeth Stern, và người mẹ MTH là Mary Beth Whitehead tại Mỹ.

1.2.1.4. Về sự phát triển của vấn đề mang thai hộ và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo trên thế giới và tại Việt Nam

Đây là nội dung ít được đề cập tại các công trình nghiên cứu. Nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục làm rõ quá trình hình thành và phát triển của kỹ thuật MTH; MTHVMĐNĐ qua các giai đoạn phát triển, đặt trong sự hình thành vấn đề này trên thế giới và tại Việt Nam.

1.2.1.5. Về quan điểm lập pháp của các quốc gia trên thế giới về mang thai hộ

Các công trình này chưa đưa ra những đánh giá đầy đủ và toàn diện về quan điểm lập pháp dẫn đến những cách nhìn trái chiều về MTH. Vì vậy, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục đánh giá mang tầm phổ quát về việc cho phép thực hiện MTHVMĐNĐ.

1.2.2. Về nội dung chế định mang thai hộ theo pháp luật Việt Nam

1.2.2.1. Về điều kiện thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Các nhận định của các tác giả đã cung cấp rất nhiều lập luận khoa học có giá trị. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn, cần phải đặt các quy định về điều kiện theo pháp luật hiện hành trong mối liên hệ khác nhau. Trên cơ sở định hướng đó, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục tiếp thu các quan điểm khoa học có giá trị và phát triển vấn đề này một cách sâu rộng hơn.

1.2.2.2. Về quyền và nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ

Vấn đề về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia MTHVMĐNĐ cũng được đề cập khá nhiều. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh cho rằng cần đánh giá toàn diện quyền lợi của các chủ thể được bảo vệ; xây dựng cơ chế bảo đảm các nghĩa vụ pháp lý của các bên.

1.2.2.3. Về thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Số lượng các công trình nghiên cứu hiện nay phân tích chuyên sâu về vấn đề thỏa thuận về MTH còn rất ít, nội dung tản mạn. Vì thế, xây dựng hành lang pháp lý về vấn đề này là yêu cầu quan trọng trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

1.2.2.4. Về giải quyết tranh chấp trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Xác định thẩm quyền của TAND đối với việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chế định MTHVMĐNĐ đặt ra nhiều vướng mắc nảy sinh. Do đó, nghiên cứu sinh cần phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện vấn đề này để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật này.

1.2.2.5. Về hệ quả pháp lý đối với các thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Phần lớn các nghiên cứu ít đề cập đến hệ quả đối với thỏa thuận về MTH bị tuyên bố là vô hiệu. Việc làm rõ các vấn đề này là cơ sở tạo hành lang pháp lý cho việc thi hành và giải quyết có hiệu quả đối với các tranh chấp phát sinh liên quan đến MTH tại Việt Nam.

1.2.2.6. Về chế tài xử lý vi phạm đối với hành vi liên quan đến mang thai hộ

Các tác giả đã đưa ra các quan điểm khác nhau về việc áp dụng các chế tài trong việc xử lý các hành vi vi phạm. Tuy nhiên, chưa đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục và hoàn thiện. Do đó, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục hoàn thiện các định hướng trên.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh đối với luận án

1.3.1. Câu hỏi giả thuyết và định hướng nghiên cứu của Nghiên cứu sinh liên quan đến những vấn đề lý luận về chế định mang thai hộ

Câu hỏi nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của MTH, MTHVMĐNĐ và chế định MTH?

Giả thuyết nghiên cứu 1: Hiện có nhiều cách định nghĩa khác nhau về MTH nói chung và MTHVMĐNĐ nói riêng nhưng cần đánh giá phù hợp về bản chất. Ngoài ra, chế định MTH còn chứa đựng những đặc điểm riêng biệt.

Kết quả nghiên cứu 1: Cần phải nhìn nhận vấn đề này trong mối liên hệ với các khái niệm khác có liên quan. Đồng thời, cần đánh giá khách quan trên các phương diện để có cái nhìn tổng quan và đánh giá đúng bản chất của vấn đề nghiên cứu.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Các yếu tố nào tác động tới việc pháp luật điều chỉnh về MTHVMĐNĐ?

Giả thuyết nghiên cứu 2: Quy định này chịu sự tác động từ yếu tố chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Đồng thời, chịu sự chi phối bởi các yếu tố kinh tế xã hội; Phong tục tập quán, đạo đức truyền thống; Chính sách.

Kết quả nghiên cứu 2: Đây là vấn đề có ý nghĩa trên phương diện lý luận và thực tiễn; Cần đánh giá về quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước về quyền con người; về phong tục tập quán của dân tộc; về nhu cầu và lợi ích của cá nhân, gia đình và xã hội.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Sự phát triển khoa học và pháp luật về MTH nói chung và MTHVMĐNĐ nói riêng ở Việt Nam và trên thế giới như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 3: Trên thế giới, MTH là vấn đề không mới về mặt thực tiễn song sự phát triển ở mỗi quốc gia lại có sự khác nhau. Ở Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển vấn đề MTH tương đối mới mẻ, đặc biệt là về phương diện pháp lý.

Kết quả nghiên cứu 3: Đánh giá vấn đề này để xác định cơ sở pháp lý cho việc ban hành và thực hiện các quy định của pháp luật về MTH từ đó cho thấy cái nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu xuyên suốt giai đoạn phát triển.

1.3.2. Câu hỏi hỏi giả thuyết và định hướng nghiên cứu của Nghiên cứu sinh liên quan đến những quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện chế định mang thai hộ

Câu hỏi nghiên cứu 4: Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về MTHVMĐNĐ như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu 4: Nhiều quan điểm cho rằng quy định về MTH mặc dù tiến bộ nhưng còn một số vấn đề chưa phù hợp như điều kiện MTHVMĐNĐ; Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; Thỏa thuận về MTHVMĐNĐ; Giải quyết tranh chấp trong trường hợp MTH...Do đó các vấn đề trên cần được xem xét toàn diện.

Kết quả nghiên cứu 4: Luận án phân tích thực trạng pháp luật về chế định MTH...nhằm hướng đến sự hoàn thiện pháp luật hiện hành điều chỉnh về các vấn đề liên quan đến MTHVMĐNĐ.

Câu hỏi nghiên cứu 5: Thực tiễn thực hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ ở Việt Nam hiện nay như thế nào? Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ?

Giả thuyết nghiên cứu 5: Việc đánh giá thực tiễn MTHVMĐNĐ sẽ giải quyết được nhiều vấn đề, tạo hành lang pháp lý vừa đủ để không làm hạn chế cơ hội làm cha, mẹ của các cặp vợ chồng những cũng không tạo ra kẽ hở để các đối tượng khác trục lợi bất chính.

Kết quả nghiên cứu 5: Nghiên cứu sinh sẽ đánh giá, xử lý số liệu tại các cơ sở được phép thực hiện MTHVMĐNĐ ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đưa ra những đánh giá phân tích về những thuận lợi khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ.

1.3.3. Câu hỏi giả thuyết và định hướng nghiên cứu của Nghiên cứu sinh liên quan đến giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện chế định mang thai hộ

Câu hỏi nghiên cứu 6: Từ việc đánh giá các vấn đề về lý luận cũng như thực trạng áp dụng và thực hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ, giải pháp nào được đặt ra nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ trong thực tiễn?

Giả thuyết nghiên cứu 6: Nghiên cứu sinh sẽ đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về MTHVMĐNĐ, trong đó cần giải quyết tốt các vấn đề như xây dựng khái niệm và các vấn đề lý luận khác; Về quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh MTHVMĐNĐ; Về việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ.

Kết quả nghiên cứu 6: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nghiên cứu sinh hướng tới các kết quả đạt được như sau:

Thứ nhất, xây dựng đánh giá toàn diện các vấn đề về mặt cơ sở lý luận

Thứ hai, đề xuất các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật về chế định MTH

Thứ ba, đề xuất các kiến nghị nhằm hạn chế những khó khăn, tồn tại trong quá trình áp dụng và thực thi pháp luật.

Thứ tư, các giải pháp mang tính xã hội được đánh giá khách quan, đầy đủ và toàn diện, làm cơ sở nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ trên thực tế.

Kết luận chương 1

Qua đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến luận án, chúng tôi nhận thấy rằng, trên thế giới, MTH là vấn đề không mới về mặt thực tiễn. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về lĩnh vực này không quá nhiều, nội dung thường tiếp cận ở các góc độ nhỏ, ở một số khía cạnh pháp lý cụ thể. Do đó, trong phạm vi của luận án, tác giả sẽ tiếp tục kế thừa các kết quả nghiên cứu đã được công bố trước đó đồng thời nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống các nội dung chưa được làm sáng tỏ nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH MANG THAI HỘ

2.1. Khái niệm mang thai hộ và chế định mang thai hộ

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm mang thai hộ và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm mang thai hộ

** Khái niệm mang thai hộ*

Về mặt bản chất, MTH là một quá trình thực hiện các kĩ thuật y tế với những phương pháp khoa học hiện đại can thiệp vào việc mang thai tự nhiên khi khả năng mang thai của con người bị hạn chế bởi những nguyên nhân khác nhau.

Như vậy, *MTH là việc áp dụng biện pháp kĩ thuật lấy noãn không phải của người MTH và tinh trùng của người nhờ mang thai để TTTON sau đó cấy vào tử cung của phụ nữ MTH để người này mang thai và sinh con cho bên nhờ MTH.*

** Đặc điểm của mang thai hộ*

Một là, tính tự nguyện, thỏa thuận: Việc MTH luôn phải được sự chấp thuận của người phụ nữ MTH vì việc áp dụng kỹ thuật liên quan đến cơ thể của người phụ nữ đó, dù với bất cứ mục đích gì. Như vậy, tính tự nguyện và thỏa thuận là đặc trưng cơ bản của quan hệ pháp luật về MTH.

Hai là, tính kỹ thuật, phi tự nhiên: Bản chất của MTH là mang thai cho người khác do đó thai mà người MTH mang không thể được hình thành từ noãn của chính họ mà phải được tạo bên ngoài cơ thể từ noãn và tinh trùng của bên nhờ MTH. Như vậy, về mặt bản chất MTH là hoạt động mang thai phi tự nhiên và cần có sự can thiệp về mặt y học.

2.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

** Khái niệm mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

MTHVMĐNĐ được ghi nhận khá muộn trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Vấn đề này lần đầu tiên được đề cập tại khoản 22 Điều 3 Luật HN&GĐ năm 2014. Tuy nhiên, xét dưới khía cạnh pháp lý, xem xét dưới các góc độ về bản chất của MTH từ đó có thể đưa ra khái niệm: *"MTHVMĐNĐ là việc một người phụ nữ tự nguyện mang thai giúp cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ TTTON, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ này để mang thai và sinh con".*

** Đặc điểm của mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Một là, tính nhân đạo: Mục đích cuối cùng của thỏa thuận MTHVMĐNĐ là hướng đến việc thực hiện một nghĩa cử hết sức nhân văn: tạo cơ hội làm cha mẹ cho những cặp vợ chồng kém may mắn không thể tự sinh được đứa con có cùng huyết thống với mình ngay cả khi họ áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Hai là, tính hỗ trợ, phi thương mại: MTHVMĐNĐ nghĩa là việc mang thai và sinh con cho người khác chỉ nhằm mục đích giúp đỡ cho người không thể tự mình mang thai và sinh con. Như vậy, việc mang thai của người này được thực hiện trên tinh thần tự nguyện và không vì lợi ích kinh tế, không có tính thương mại.

** Ý nghĩa của mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Một là, ý nghĩa về mặt xã hội: MTHVMĐNĐ có ý nghĩa quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu có con cùng huyết thống của cá nhân; MTHVMĐNĐ có ý nghĩa đối với việc bảo vệ tính bền vững và liên kết tình cảm trong quan hệ HN&GĐ; đáp ứng nhu cầu có con để gìn giữ hạnh phúc gia đình.

Hai là, ý nghĩa về mặt pháp lý: MTHVMĐNĐ tạo nên những chuẩn mực pháp lý cho hành vi ứng xử của các chủ thể đồng thời kiểm soát nhu cầu thực hiện MTH tại Việt Nam. Mặt khác, việc điều chỉnh MTHVMĐNĐ là yêu cầu cần thiết góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của con người.

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm và nội dung của chế định mang thai hộ

2.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm chế định mang thai hộ

** Khái niệm chế định mang thai hộ*

Nhà nước đã sử dụng pháp luật để tác động đến quan hệ xã hội MTH nhằm điều chỉnh theo những định hướng mà Nhà nước mong muốn. Những quan hệ xã hội có cùng tính chất về MTH được pháp luật ghi nhận tạo nên chế định pháp luật về MTH.

Như vậy, *chế định MTH là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, điều chỉnh về việc xác lập, phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong quan hệ MTH.*

** Đặc điểm của chế định mang thai hộ*

Một là, chế định MTH gắn liền với việc bảo đảm quyền con người.

Hai là, chế định MTH gắn bó mật thiết với các quy phạm đạo đức, phong tục tập quán.

Ba là, chế định MTH gắn bó mật thiết với các yếu tố khoa học kỹ thuật - y học.

Bốn là, chế định MTH gắn liền với những phương pháp điều chỉnh đặc trưng của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

2.1.2.2. Nội dung của chế định mang thai hộ

Nội dung của chế định về MTH bao gồm các vấn đề về điều kiện MTHVMĐNĐ bao gồm cả điều kiện về chủ thể, nội dung và hình thức của thỏa thuận và điều kiện về thủ tục MTHVMĐNĐ; Quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện MTHVMĐNĐ; Xác định quan hệ cha, mẹ, con trong trường hợp MTHVMĐNĐ; Giải quyết tranh chấp trong trường hợp MTHVMĐNĐ; Xử lý hành vi vi phạm về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và MTH.

2.2. Lịch sử phát triển của pháp luật điều chỉnh về mang thai hộ trên thế giới và ở Việt Nam

2.2.1. Lịch sử phát triển của khoa học về mang thai hộ trên thế giới

MTH là biện pháp được tiến hành áp dụng kỹ thuật TTTON. Lịch sử của TTTON (In Vitro Fertilization - IVF) và cấy phôi (Embryo transfer - ET) được biết đến sớm nhất là vào năm 1890 khi Walter Heape, một giáo sư - bác sĩ tại Đại học Cambridge, Anh. Ghi nhận về trường hợp MTH đầu tiên trên thế giới được báo cáo vào năm 1980 tại Mỹ. Như vậy, MTH là một vấn đề được các nhà khoa học trên thế giới rất quan tâm và trở thành thành tựu lớn của ngành y học trong thế kỉ XX.

2.2.2. Quan điểm lập pháp về mang thai hộ của một số quốc gia trên thế giới

MTH được đánh giá là vấn đề mang tính nhạy cảm xã hội cao. Cho đến thời điểm hiện nay, quan điểm lập pháp về MTH có thể được chia thành ba nhóm quốc gia cơ bản: (1) nhóm

các quốc gia tuyệt đối không cho phép MTH, ví dụ như Pháp, Đức,...; (2) Nhóm các quốc gia chỉ cho phép MTHVMĐNĐ, ví dụ như Việt Nam, Anh, Australia... ; (3) Nhóm các quốc gia ghi nhận MTH cả vì mục đích nhân đạo lẫn mục đích thương mại, ví dụ như Ấn Độ. Quan điểm lập pháp và quy định của pháp luật tại một số quốc gia điển hình đại diện cho các nhóm quan điểm là khá đa dạng và đang dần có sự thay đổi.

2.2.3. Lịch sử phát triển của pháp luật Việt Nam về mang thai hộ

MTH nói chung và MTHVMĐNĐ là vấn đề tương đối mới tại Việt Nam.Về mặt pháp luật, MTH lần đầu tiên được pháp luật điều chỉnh tại Nghị định số 12/2003/NĐ- CP. Sau đó, Quốc hội đã thông qua Luật HN&GĐ năm 2014 trong đó thừa nhận và cho phép thực hiện MTHVMĐNĐ. Đồng thời các văn bản như BLHS năm 2015; Luật BHXH năm 2014; Nghị định số 10/2015/NĐ – CP; Nghị định số 98/2016/NĐ – CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 10/2015/NĐ – CP ...cũng đã có sự điều chỉnh nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện chế định MTH tại Việt Nam.

2.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật điều chỉnh về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo tại Việt Nam

2.3.1. Yếu tố phong tục, tập quán.

Pháp luật điều chỉnh về MTHVMĐNĐ nhằm giải tỏa nhu cầu về việc đề cao yếu tố về dòng tộc trong văn hóa người Việt. Mặt khác, việc lập gia đình nhất thiết phải có con vì con cái sẽ là chỗ dựa cho cha mẹ khi về già. Đây cũng là một trong những yếu tốtác động đến chế định MTH. Do đó, pháp luật Việt Nam ghi nhận và cho phép MTHVMĐNĐ đã đáp ứng một trong những yêu cầu khách quan mà thực tiễn đặt ra trong bối cảnh hiện nay.

2.3.2. Yếu tố tâm lý, đạo đức

Trong quan hệ pháp luật về MTHVMĐNĐ, yếu tố tâm lý, đạo đức vừa mang tính thống nhất nhưng vừa mang tính mâu thuẫn trong nội tại bên trong của cả hai phía chủ thể là bên MTH và bên nhờ MTH. Bên cạnh đó, pháp luật điều chỉnh về MTH còn chịu sự chi phối trong việc đánh giá vấn đề tâm lý, đạo đức đối với trẻ em được sinh ra và cán bộ của các cơ sở y tế thực hiện kỹ thuật này.

2.3.3. Yếu tố kinh tế - xã hội

Sự phát triển của y học, đặc biệt là trong lĩnh vực hỗ trợ sinh sản, rất nhiều người đã có thể thực hiện khát khao được làm cha mẹ khi điều kiện sức khỏe của họ không cho phép. Đồng thời, quy định này là cần thiết và kịp thời khi nạn "*đẻ thuê, đẻ mướn*", buôn bán trẻ

sơ sinh cũng đang có chiều hướng phức tạp cả về số lượng cũng như tính chất trong xã hội. Đây là sự thay đổi sâu sắc về mặt pháp lý rất cần được trân trọng và ghi nhận.

2.3.4. Yếu tố chính sách

** Đảm bảo nguyên tắc quyền con người*

Nhà nước ta luôn tôn trọng và hướng tới việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người. Đây được xem là nguyên tắc quan trọng và là kim chỉ nam cho các đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

2.3.3.1. Đảm bảo nguyên tắc nhân đạo

Nhân đạo trong pháp luật chính là việc ghi nhận và đề cao giá trị con người trong việc xây dựng và thực thi pháp luật. Tuy nhiên, nhiều quan điểm cho rằng MTHVMĐNĐ nhưng "chưa nhân đạo" đối với người phụ nữ MTH, Đối với đứa trẻ được sinh ra từ MTHVMĐNĐ. Những lo ngại trên không phải không có cơ sở. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng đặt trong sự tổng hòa và cân bằng lợi ích của các mối quan hệ xã hội thì chế định về MTH vẫn mang những giá trị tích cực.

2.4. Nguyên tắc thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, nguyên tắc nhân đạo. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất trong việc thực hiện MTHVMĐNĐ.

Thứ hai, việc MTHVMĐNĐ được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện.

Thứ ba, nguyên tắc bảo đảm an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và được pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

Thứ tư, nguyên tắc đảm bảo quy trình kỹ thuật.

Kết luận chương 2

1. MTHVMĐNĐ là một trong những quan hệ xã hội có tính nhạy cảm và phức tạp cao, có tác động đến nhiều yếu tố như lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình và xã hội..

2. Việc pháp luật điều chỉnh và cho phép thực hiện MTHVMĐNĐ là rất cần thiết, đáp ứng yêu cầu về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

3. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng những vấn đề lý luận về MTHVMĐNĐ hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần phải làm rõ và hiểu đúng bản chất của vấn đề MTHVMĐNĐ.

CHƯƠNG 3
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

3.1.1. Điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

3.1.1.1. Điều kiện đối với bên nhờ mang thai hộ

Thứ nhất, pháp luật hiện hành quy định về người có quyền nhờ MTHVMĐNĐ vẫn còn thiếu sót, cụ thể như sau:

Một là, Nghị định số 10/2015/NĐ – CP và Luật HN&GĐ năm 2014 chưa có sự thống nhất trong việc quy định về chủ thể có quyền nhờ MTHVMĐNĐ.

Hai là, pháp luật chưa điều chỉnh trường hợp các bên kết hôn trái pháp luật nhưng có yêu cầu thực hiện MTHVMĐNĐ.

Ba là, quyền làm mẹ của những người phụ nữ độc thân, nhóm người LGBT chưa được đảm bảo.

Thứ hai, bên nhờ MTH phải "có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản". Điều này là phù hợp. Bởi lẽ, đây là một trong những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng cơ chế pháp lý chặt chẽ và phù hợp, đảm bảo hoạt động MTH là đúng mục đích nhân đạo.

Thứ ba, điều kiện bắt buộc để có thể yêu cầu thực hiện MTHVMĐNĐ là *"vợ chồng đang không có con chung".* Vấn đề này hiện nay đang là một trong những nội dung rất đáng băn khoăn nếu rơi vào trường hợp đã có con nhưng con bị tật nguyền

Thứ tư, để đảm bảo đủ điều kiện yêu cầu MTHVMĐNĐ thì bên nhờ MTH cũng phải "*đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý"* nhằm xây dựng trách nhiệm và ý thức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và tránh những tranh chấp không đáng có.

3.1.1.2. Điều kiện đối với bên mang thai hộ

Thứ nhất, theo quy định tại điểm a nói trên, người MTH phải là *"người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ MTH"* là "thừa" đối với một số chủ thể; không phù hợp với quy định của Luật HN&GĐ năm 2014 thậm chí là có dấu hiệu trái quy định của văn bản Luật; có nguy cơ xảy ra tình trạng trục lợi để thực hiện MTHVMĐTM.

Thứ hai, điểm b khoản 3 quy định người MTH phải "*đã từng sinh con và chỉ được MTH một lần"* chưa có hướng dẫn cụ thể về việc hiểu như thế nào là *"MTH một lần"*; không đề cập đến khoảng cách giữa lần sinh gần nhất với thời điểm thực hiện MTH.

Thứ ba, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 95 Luật HNGĐ 2014 về điều kiện MTHVMĐNĐ, người MTH phải "*ở độ tuổi phù hợp"* chưa có bất kì quy định nào về việc người phụ nữ MTH đang ở độ tuổi như thế nào được gọi là *"phù hợp".*

Thứ tư, điểm d khoản 3 quy định nếu trong trường hợp người MTH có chồng thì *"phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng"* chưa có sự điều chỉnh trong trường hợp người chồng của người MTH bị mất năng lực hành vi dân sự.

3.1.1.3. Điều kiện đối với cơ sở y tế thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Cơ sở y tế là đơn vị có vai trò thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về y khoa nhằm giúp bên nhờ MTH và bên MTH có thể thực hiện được việc sinh con bằng kỹ thuật MTHVMĐNĐ. Do đó, đây là chủ thể có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hiện thực hóa ước mơ làm cha mẹ của các cặp vợ chồng nhờ MTH.

3.1.1.4. Điều kiện về nội dung và hình thức của thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

** Nội dung của thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Pháp luật chưa quy định việc vi phạm nghĩa vụ trong thỏa thuận thì có phải chịu trách nhiệm gì, thỏa thuận vô hiệu giải quyết theo thủ tục nào, hậu quả pháp lý của thỏa thuận vô hiệu...Do đó cần có những hướng dẫn chi tiết để tránh những tranh chấp có thể phát sinh và các hệ lụy không đáng có.

** Hình thức của thỏa thuận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Thỏa thuận về việc MTHVMĐNĐ phải được lập thành văn bản có công chứng. Hình thức là một trong những yêu cầu mang tính bắt buộc để những nội dung của thỏa thuận MTHVMĐNĐ được thừa nhận về mặt pháp lý.

3.1.2. Thủ tục mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Các bên có yêu cầu về việc thực hiện MTHVMĐNĐ phải gửi hồ sơ đề nghị thực hiện kỹ thuật MTHVMĐNĐ đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ sở được cho phép thực hiện kỹ thuật MTH phải có kế hoạch điều trị. Trường hợp không thể thực hiện được thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. Quy định về hồ sơ còn tồn tại một số bất cập cần được điều chỉnh.

3.1.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

3.1.3.1. Quyền và nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, pháp luật chưa có cơ chế để kiểm soát việc chi trả của bên nhờ MTH đối với bên MTH các khoản chi phí ngoài danh mục trên hoặc trong danh mục nhưng định mức là bao nhiêu là hợp lý.

Thứ hai, quy định về chế độ thai sản trong Luật HN&GĐ năm 2014 là không đảm bảo tính đồng bộ và không cần thiết.

Thứ ba, quy định nghĩa vụ nhận con đối với bên nhờ MTH là bắt buộc là chưa phù hợp, cần đảm bảo rằng trẻ sẽ nhận được tình yêu thương mà sự chăm sóc tốt nhất.

Ngoài ra, trong mối tương quan với các chế định khác của Luật HN&GĐ năm 2014, quy định về quyền của bên nhở MTH vẫn còn bộc lộ những bất cập nhất định, trong đó có quy định về quyền yêu cầu ly hôn.

3.1.3.2. Quyền và nghĩa vụ của bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, quy định về chế độ BHXH nên được quy định trong Luật BHXH.

Thứ hai, vấn đề thực hiện việc thăm khám định kì của người phụ nữ MTH trên thực tế là không có cơ chế kiểm soát.

3.1.4. Xác định quan hệ cha mẹ con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thời điểm xác định con cần có sự cân nhắc vì có nguy cơ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên và nhất là quyền lợi hợp pháp của trẻ em và bên MTH, gây ra sự thiếu hợp lí trong mối liên hệ với quy định của BLHS năm 2015 về việc bảo vệ quyền sống của trẻ em. Đồng thời, việc quy định về thời điểm xác định con nói trên cũng tạo ra sự chồng chéo đối với các quyền lợi hợp pháp của bên nhờ MTH và bên MTH trong một số trường hợp được quy định tại Luật BHXH năm 2014.

3.1.5. Giải quyết tranh chấp trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, chưa có văn bản nào quy định tranh chấp về MTHVMĐNĐ bao gồm những loại tranh chấp gì.

Thứ hai, khoản 2 Điều 99 Luật HN&GĐ năm 2014 cũng quy định về quyền ưu tiên nhận nuôi trẻ nhưng đặt tại Điều 99 về "giải quyết tranh chấp" là không hợp lý. Mặt khác, về việc giải quyết tranh chấp trong trường hợp các bên muốn nhận đứa trẻ được sinh ra từ MTHVMĐNĐ làm con nuôi mâu thuẫn với quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010.

3.1.6. Xử lý hành vi vi phạm về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và mang thai hộ

Quy định về xử lý hành vi vi phạm liên quan đến MTH hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, chưa tạo ra sự thống nhất cũng như gây khó khăn cho quá trình áp dụng pháp luật như việc xử phạt vi phạm hành chính chưa có hướng dẫn cụ thể. Đối với chế tài dân sự, không có bất kì quy định cụ thể nào về chế tài xử lý vi phạm về MTH. Đối với chế tài hình sự, hình phạt bổ sung cũng còn quá nhẹ.

3.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo ở Việt Nam

3.2.1. Tình hình thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo ở Việt Nam

Hiện nay có năm cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện MTHVMĐNĐ bao gồm: Bệnh viện Phụ sản Trung ương (Hà Nội); Bệnh viện Từ Dũ (Thành phố Hồ Chí Minh); Bệnh viện Trung ương Huế (Thừa Thiên Huế); Bệnh viện Mỹ Đức (2017) và Bệnh viện Hùng Vương (2019). Với việc tăng thêm hai cơ sở y tế hiện nay đã mở rộng thêm những lựa chọn và cơ hội cho các cặp vợ chồng có nhu cầu thực hiện MTHVMĐNĐ trong giai đoạn gần đây. Theo số liệu thống kê, tính đến thời điểm năm 2019, sau 5 năm triển khai quy định về MTHVMĐNĐ, cả nước đã có 406 trường hợp thực hiện thành công kỹ thuật này.[2] Như vậy trung bình mỗi năm nước ta có đến 80 trường hợp thực hiện thành công, mang lại hạnh phúc cho rất nhiều cặp vợ chồng mong mỏi được chào đón đứa con cùng huyết thống của mình, củng cố giá trị nhân văn trong các chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm hỗ trợ và bảo vệ con người. Điều đáng lưu ý là, cả nước chưa ghi nhận trường hợp có tranh chấp nào về MTHVMĐNĐ tại các TAND. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ cho thấy vẫn còn tồn tại những khó khăn hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

Quy định về việc xác định thế nào là cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa có những hướng dẫn chi tiết, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật, ảnh hưởng đến lợi ích của các bên tham gia. Đồng thời, những yếu tố tiềm ẩn rủi ro cho các bên mang thai và nhờ mang thai thậm chí là đối với trẻ em vẫn còn hiện hữu. Bên cạnh đó, vấn đề về nhận thức của người dân vẫn là một trong những rào cản để thực hiện MTHVMĐNĐ hiện nay. Ngoài ra, khao khát có con - một nhu cầu rất nhân văn của những người không may bị hiếm muộn đang bị một số đối

[2] Xem ***Phạm Hải,*** *Có nên nới các quy định về mang thai hộ?* truy cập ngày 2/ 8/2019. http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=81&NewsId=423521

tượng biến tướng thành dịch vụ thương mại để trục lợi bất chính. Trong khi đó, việc xử lý hình sự các trường hợp MTH vì mục đích thương mại vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập.

3.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn thực hiện pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, do những hạn chế về quy định của pháp luật

Một số quy định pháp luật chưa đảm bảo tính phù hợp, khả thi và đồng bộ. Đồng thời, một số quy định của pháp luật hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến những khó khăn nhất định của các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật này.

Thứ hai, do những hạn chế về áp dụng pháp luật

Một là, do những hạn chế về cơ sở vật chất dẫn đến việc quản lý các thông tin tại các cơ sở y tế hiện nay chưa thực sự đạt hiệu quả.

Hai là, việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật tại các cơ quan chức năng hiện nay tỏ ra khá lúng túng vì việc xác định điều kiện thực hiện gặp nhiều vướng mắc.

Ba là, nguồn nhân lực của các cơ quan chức năng chưa đảm bảo cho việc thi hành quy định của pháp luật về MTHVMĐNĐ.

Bốn là, quy định về MTHVMĐNĐ còn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố tập quán, văn hóa truyền thống nên còn có nhận thức khác nhau trong triển khai thi hành.

Kết luận chương 3

1. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh về MTHVMĐNĐ hiện hành khá cụ thể, đầy đủ và trọng tâm. Tuy vậy, MTHVMĐNĐ là chế định khá mới nên không tránh khỏi những hạn chế nhất định mà trước hết là những bất cập trong nội tại các điều luật đã khiến cho việc áp dụng các quy định của pháp luật trở nên khó khăn hoặc tạo ra những lỗ hổng pháp lý khó kiểm soát.
2. Các cơ quan áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc thực hiện kỹ thuật điều trị vô sinh, hiếm muộn bằng phương pháp hỗ trợ sinh sản này. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ cho thấy vẫn cần khắc phục những hạn chế.

CHƯƠNG 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHẾ ĐỊNH MANG THAI HỘ

4.1. Phương hướng hoàn thiện chế định mang thai hộ

4.1.1. Chế định mang thai hộ phải hiện thực hóa các nguyên tắc về quyền con người

4.1.2. Chế định mang thai hộ phải thể hiện nguyên tắc nhân đạo, đảm bảo sự hài hòa về lợi ích của các chủ thể

4.1.3. Chế định mang thai hộ phải mang tính đồng bộ

4.1.4. Chế định mang thai hộ phải đảm bảo tính khả thi và có tính dự báo

4.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện chế định mang thai hộ

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện chế định mang thai hộ

4.2.1.1. Hoàn thiện các khái niệm pháp lý có liên quan đến chế định mang thai hộ trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

Về các khái niệm khoa học có liên quan như MTHVMĐNĐ, MTHVMĐTM cần được xây dựng theo hướng có sự thống nhất về mặt bản chất của MTH để đưa ra cách giải thích từ ngữ phù hợp. Bên cạnh đó, một số định nghĩa có liên quan để tạo cơ sở cho việc áp dụng và thực hiện kỹ thuật MTHVMĐNĐ trên thực tế chưa có sự rõ ràng, chẳng hạn định nghĩa về phôi và thai, cặp vợ chồng vô sinh và cặp vợ chồng không sinh được con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cần sử dụng thống nhất.

4.2.1.2. Hoàn thiện quy định về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

** Điều kiện đối với bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Trong trường hợp bên nhờ MTH kết hôn trái pháp luật cần có hướng dẫn cụ thể đối với hai vấn đề: (1) Nam nữ kết hôn trái pháp luật nhưng đã có yêu cầu Tòa án giải quyết, các bên đảm bảo điều kiện tại Điều 11 Luật HN&GĐ năm 2014 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/BTP – TANDTC – VKSNDTC; (2) Trong trường hợp nam nữ kết hôn trái pháp luật nhưng đã chỉ định MTHVMĐNĐ và thực hiện. Trong quá trình thực hiện thì có quyết định tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật thì phải có hướng dẫn cụ thể về hậu quả pháp lý và đặc biệt là quyền và nghĩa vụ đối với đứa trẻ được sinh ra.

Thứ hai, khoản 3 Điều 95 Luật HNGĐ năm 2014 quy định cần xem xét quy định bổ sung về chủ thể có quyền nhờ MTHVMĐNĐ như phụ nữ, nam giới độc thân, người thuộc nhóm LGBT bởi lẽ nguyện vọng và khát khao làm cha, mẹ là nhu cầu chính đáng.

Thứ ba, điều chỉnh theo hướng mở rộng điều kiện thực hiện MTHVMĐNĐ trong trường hợp vợ chồng đã có con chung nhưng con bị tật nguyền và xét thấy vấn đề này không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố di truyền.

** Điều kiện đối với bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*

Thứ nhất, xây dựng các hướng dẫn cụ thể để cán bộ tư pháp có đủ cơ sở để xác minh mối quan hệ giữa bên MTH và bên nhờ MTH, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể có nguyện vọng MTHVMĐNĐ hiện nay.

Thứ hai, cần có hướng dẫn cụ thể về thuật ngữ "quy định người MTH phải "đã từng sinh con và chỉ được MTH *một lần"*. Mặt khác, pháp luật hiện hành cũng cần quy định về giới hạn giữa lần sinh trước đó với lần MTH.

Thứ ba, giới hạn độ tuổi của người MTH từ 20 đến 40 tuổi là phù hợp.

Thứ tư, cần được dự liệu thêm trong trường hợp người chồng của người MTH bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi.

4.2.1.3. Hoàn thiện quy định của pháp luật về thủ tục mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Một là, hồ sơ đề nghị thực hiện kỹ thuật MTHVMĐNĐ cần quy định bổ sung văn bản để chứng minh quan hệ hôn nhân giữa bên nhờ MTH là văn bản mang tính bắt buộc.

Hai là, cần sửa đổi điểm d Điều 14 Nghị định số 10/2015/NĐ – CP theo hướng "Bản xác nhận của *Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú* của vợ chồng nhờ MTH về tình trạng vợ chồng chưa có con chung" để phù hợp với quy định của Luật Cư trú.

Ba là, cần sửa đổi điểm e Điều 14 Nghị định số 10/2015/NĐ – CP theo hướng bỏ cụm từ "*đã từng sinh con"* nhằm đơn giản hóa về mặt thủ tục cho chủ thể nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Bốn là, cần sửa đổi quy định tại điểm h Điều 14 Nghị định số 10/2015/NĐ – CP theo hướng "*Bản xác nhận của chồng người MTH (trừ trường hợp người phụ nữ MTH độc thân hoặc chồng của người MTH bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi) về việc đồng ý cho MTH".*

Năm là, hồ sơ MTHVMĐNĐ của các bên bắt buộc có văn bản xác nhận của bác sĩ về việc bên MTH đã thực hiện đầy đủ các lần thăm khám định kì.

4.2.1.4. Hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Một là, khoản 1 Điều 97 LHN&GĐ năm 2014 nên điều chỉnh là: *"Người phụ nữ MTH và người chồng của người này có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với đứa trẻ từ lúc bắt đầu mang thai cho đến lúc chuyển chuyển giao đứa trẻ cho bên nhờ MTH".* Hai là, khoản 2 Điều 98 Luật HN&GĐ năm 2014 nên sửa đổi theo hướng quy định như sau: *"Bên*

nhờ MTHVMĐNĐ có các quyền nhân thân và tài sản, các quyền khác đối với cha, mẹ theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm nhận con."

Ba là, khoản 1 Điều 98 Luật HN&GĐ năm 2014 nên quy định ngoài những khoản chi phí theo hóa đơn, chứng từ được tính theo danh mục cần quy định thêm về định mức trung bình được chấp nhận cho các khoản thanh toán hợp lý.

Bốn là, khoản 3 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định về việc hưởng chế độ thai sản của bên MTH và bên nhờ MTH cần được sửa đổi theo hướng điều chỉnh tại văn bản chuyên ngành về chế độ an sinh xã hội.

Năm là, khoản 3 Điều 98 Luật HN&GĐ năm 2014 quy định "*Bên nhờ MTH không được từ chối nhận con"* cần được điều chỉnh theo hướng lợi ích tối đa của trẻ em phải được đặt lên hàng đầu.

Sáu là, cần điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 99 Luật HN&GĐ năm 2014 được xác định trong quy phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bên MTH để đảm bảo tính logic về nội dung của điều luật.

Bảy là, cần bổ sung đối tượng được hưởng chế độ thai sản tại Điều 34 Luật BHXH năm 2014 bao gồm cả người chồng nhờ MTH; Quy định về chế độ tử tuất của trẻ em được sinh ra từ kỹ thuật MTHVMĐNĐ theo hướng bỏ quy định về trường hợp "*con được sinh khi người bố chết mà người mẹ đang mang thai*".

Tám là, vấn đề về quyền ly hôn của các bên cũng cần phải điều chỉnh theo hướng bảo đảm lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

4.2.1.5. Hoàn thiện quy định của pháp luật về xác định quan hệ cha, mẹ con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Cần quy định người phụ nữ MTH và người chồng của người này sẽ là bố mẹ hợp pháp của đứa trẻ từ lúc bắt đầu mang thai cho đến lúc chuyển giao đứa trẻ cho bên nhờ MTH. Điều này là mang tính nhân văn với cả người MTH và đứa trẻ được sinh ra đồng thời cũng phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4.2.1.6. Hoàn thiện quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Thứ nhất, đối với quy định tại Điều 28 BLTTDS năm 2015 cần có hướng dẫn cụ thể về tranh chấp về MTHVMĐNĐ bao gồm những tranh chấp nào. Đồng thời, cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể trong trường hợp việc tuyên bố thỏa thuận MTHVMĐNĐ vô hiệu do vi phạm về điều kiện thực hiện sẽ được xử lý như thế nào.

Thứ hai, hệ thống pháp luật hiện hành cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dự liệu giải quyết tranh chấp trong những trường hợp có khả năng xảy ra trong thực tiễn.

Thứ ba, khi có điều kiện sửa đổi, Luật nuôi con nuôi năm 2010 cần có sự điều chỉnh theo hướng bên MTH có quyền nhận nuôi đứa trẻ có quyền ưu tiên đầu tiên trong việc lựa chọn gia đình thay thế. Quyền ưu tiên còn được áp dụng ngay cả trong trường hợp bên nhờ MTH bỏ đi biệt tích, không xác định được nơi cư trú.

4.2.1.7. Hoàn thiện quy định của pháp luật về chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về mang thai hộ

Một là, đối với các chế tài hành chính và dân sự cần sớm ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn xử phạt trong trường hợp có những hành vi vi phạm quy định về MTH và MTHVMĐNĐ.

Hai là, đối với chế tài hình sự, Điều 187 BLHS năm 2015 bằng cách sửa lại tên điều luật theo hướng mở rộng tối đa chủ thể phạm tội như "Tội MTHVMĐTM", đồng thời quy định dấu hiệu "tổ chức" thành tình tiết định khung tăng nặng trong cùng điều luật. Mặt khác, mức phạt được quy định cần phải tương xứng; Cần đặt ra các chế tài để xử lý hình sự trong trường hợp bên nhờ MTH chậm thực hiện nghĩa vụ nhận con gây ra hậu quả nghiêm trọng.

4.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chế định mang thai hộ

Thứ nhất, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng cần nghiêm túc thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc triển khai các qui định của pháp luật, quy trình chuyên môn kỹ thuật của các nhân viên y tế tại các cơ sở có cung cấp dịch vụ hỗ trợ sinh sản.

Thứ hai, ngành y tế cần có khuyến nghị các bệnh viện đưa ứng dụng quản lý bằng khoa học kỹ thuật hiện đại để quản lý thông tin về bên MTH.

Thứ ba, cần nâng cao năng lực pháp luật của đội ngũ cán bộ y tế thực hiện kỹ thuật MTHVMĐNĐ khi tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị thực hiện kỹ thuật này.

Thứ tư, cần có sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về MTH.

Thứ năm, cần thực hiện các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật cho người dân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

1. Việc điều chỉnh chế định MTH là phù hợp trong bối cảnh kinh tế xã hội nên việc tiếp tục thực hiện và hoàn hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ mang thực sự là cần thiết.

2. Trên cơ sở đánh giá quy định của pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ, tác giả đã mạnh dạn đề xuất những giải pháp hoàn thiện trên cơ sở xác định phương hướng, yêu cầu của tiến trình xây dựng pháp luật hiện nay.

KẾT LUẬN CHUNG

1. Qua 5 năm triển khai thực hiện Luật HN&GĐ năm 2014 về chế định MTH đã cho thấy đây là một chế định tích cực, mang tính nhân văn sâu sắc. Những thành tựu đạt được là đáng trân trọng và cần được phát huy mạnh mẽ.

2. Hệ thống pháp luật Việt Nam điều chỉnh về MTHVMĐNĐ về cơ bản đã xây dựng được các quy phạm nòng cốt tạo khung hành lang pháp lý vững chắc cho việc thực hiện quy định này trên thực tế. Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận khách quan rằng, bên cạnh những hiệu quả tích cực đó, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành điều chỉnh về MTHVMĐNĐ vẫn đang bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định.

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về MTHVMĐNĐ cho thấy Việt Nam đã đạt được những thành tựu. Song quá trình áp dụng pháp luật trên thực tế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Do đó, để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về MTHVMĐNĐ cần thiết phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện các giải pháp để người dân có những nhận thức đúng đắn về chế định hết sức nhân văn này.